CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

Ngày 30/09/2025	14,350 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**8.3%**	**10.8%**

DT thuần
Q3/25
7,855
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,544| -16.4%
YoY: ▲ 1,794| 29.6%

LN thuần
Q3/25
1,006
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 197| 24.4%
YoY: ▲ 464| 85.6%

LN sau thuế
Q3/25
948
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 187| 24.6%
YoY: ▲ 495| 109%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
14.8%
YoY: +/-▲ 4.7%

ROE (TTM)
Q3/25
5.7%
YoY: +/-▲ 1.1%

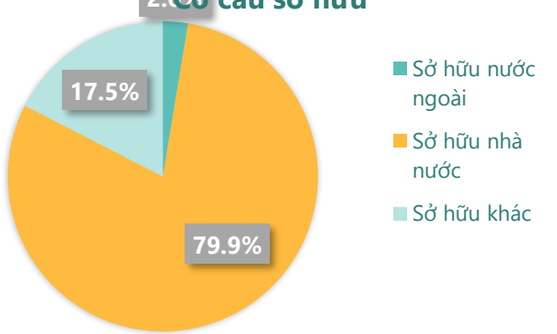
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	9,930 - 16,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	33,606
Số lượng CPLH (CP)	2,341,871,600
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,431,755
Sở hữu nước ngoài	2.6%
Beta	1.02
EPS	872
P/E	16.4

DT thuần
9T 2025
25,404
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3,718| 17.1%

LN thuần
9T 2025
2,327
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,139| 95.8%

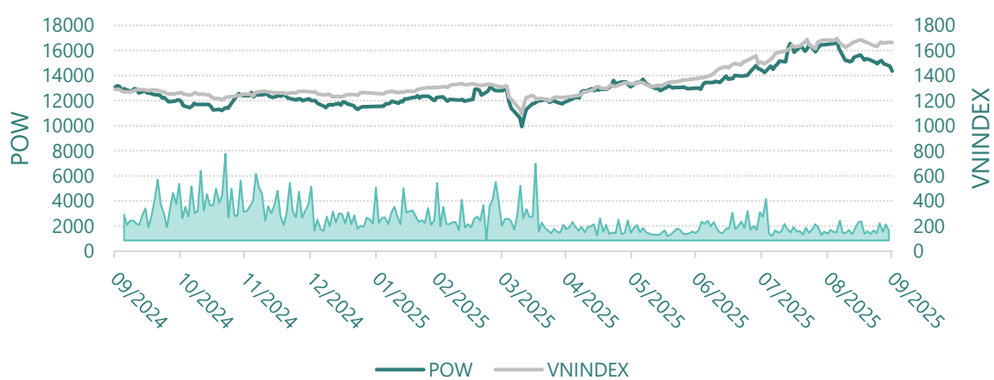
LN sau thuế
9T 2025
2,182
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,071| 96.4%

Cơ cấu sở hữu

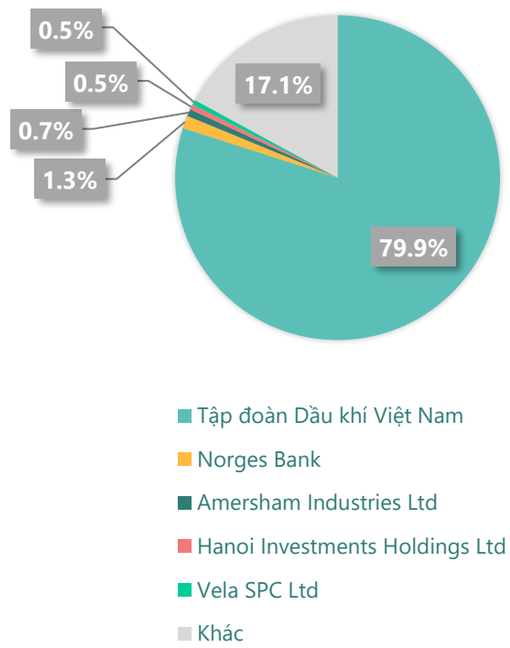


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



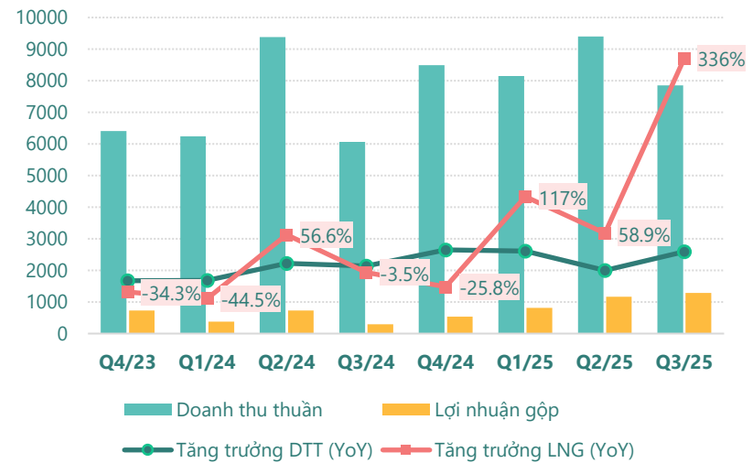
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

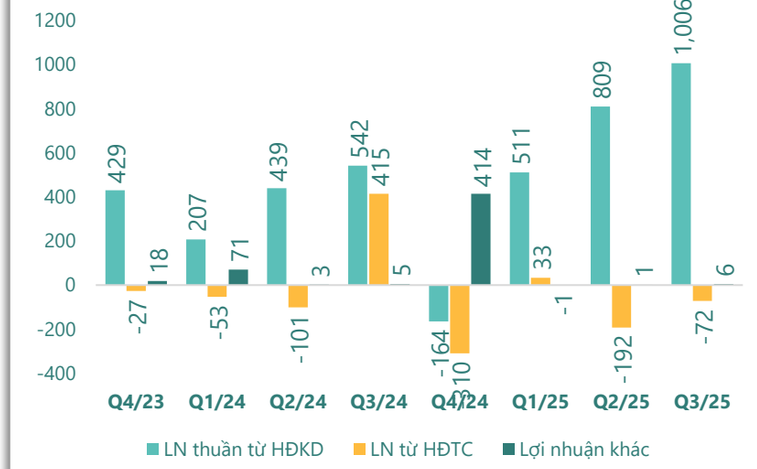
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



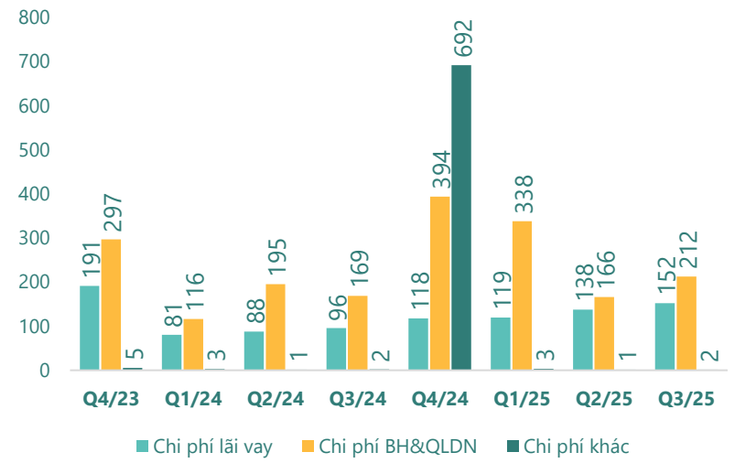
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



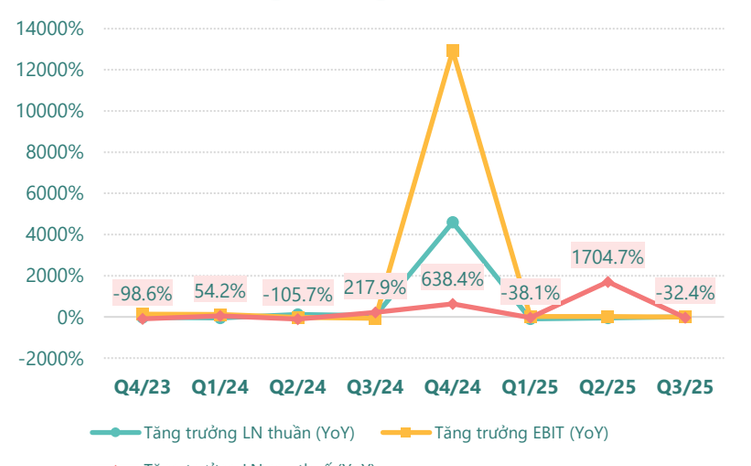
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



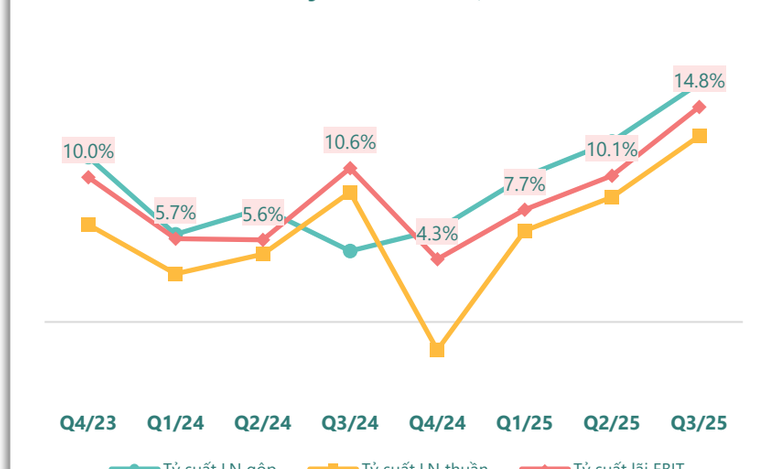
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



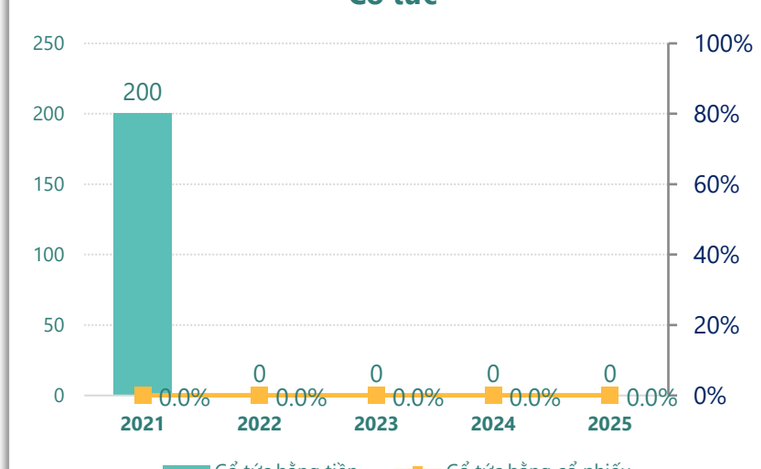
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

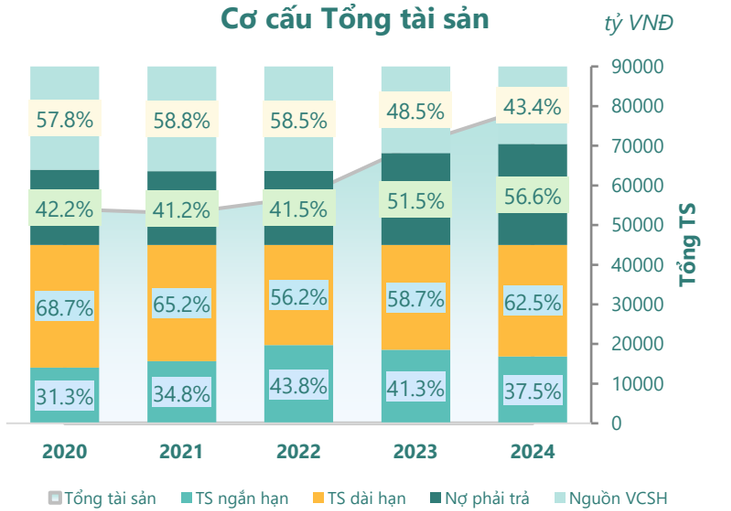
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

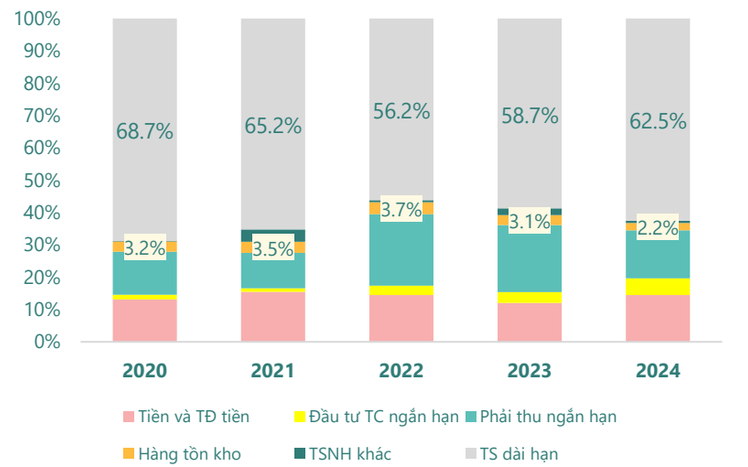
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



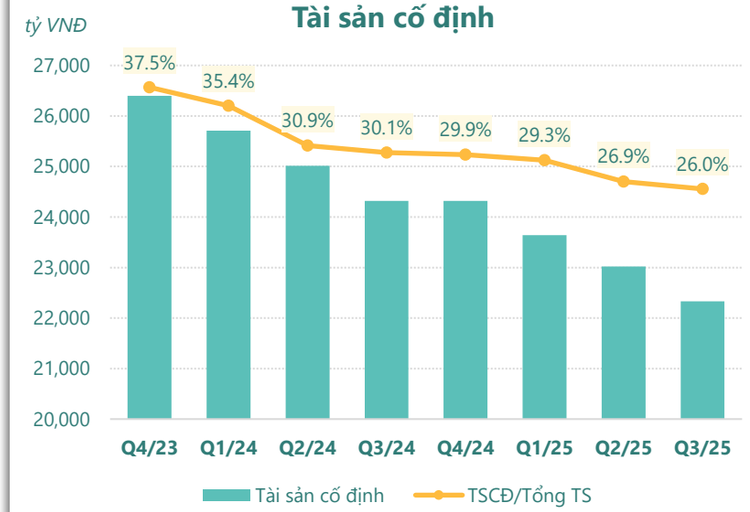
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



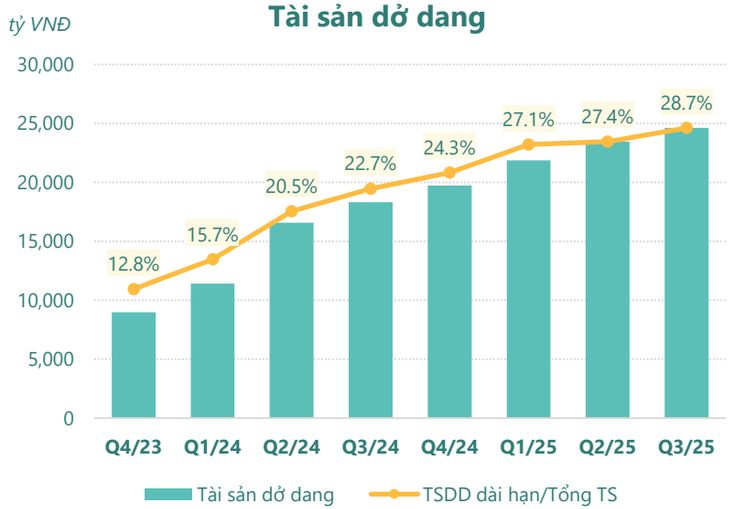
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



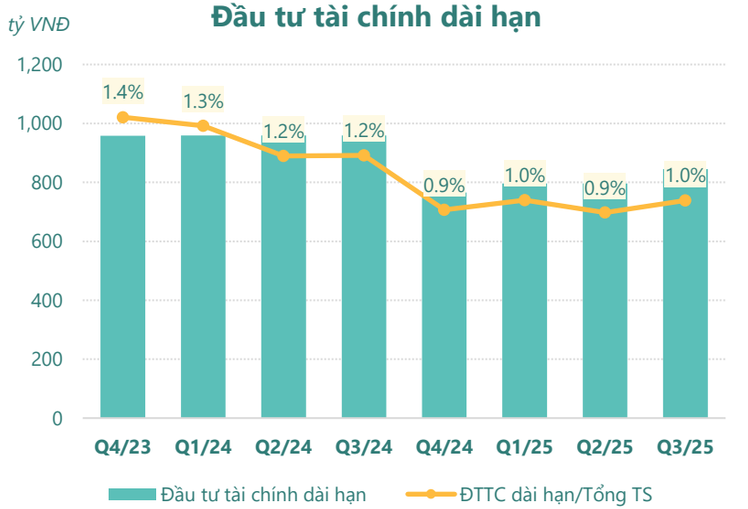
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



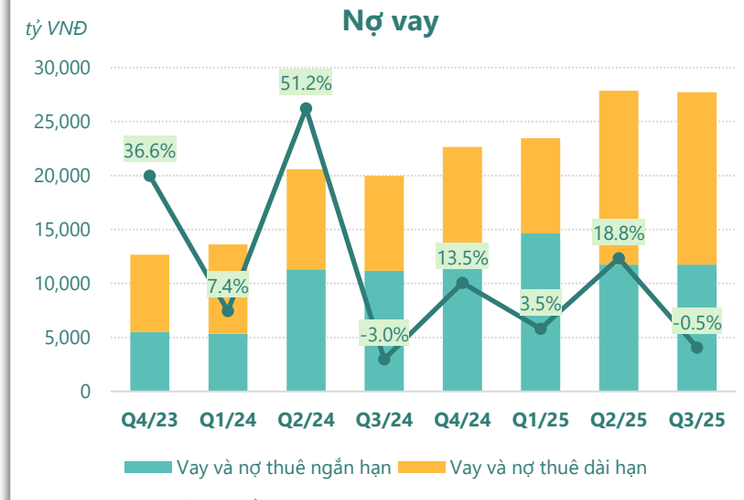
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

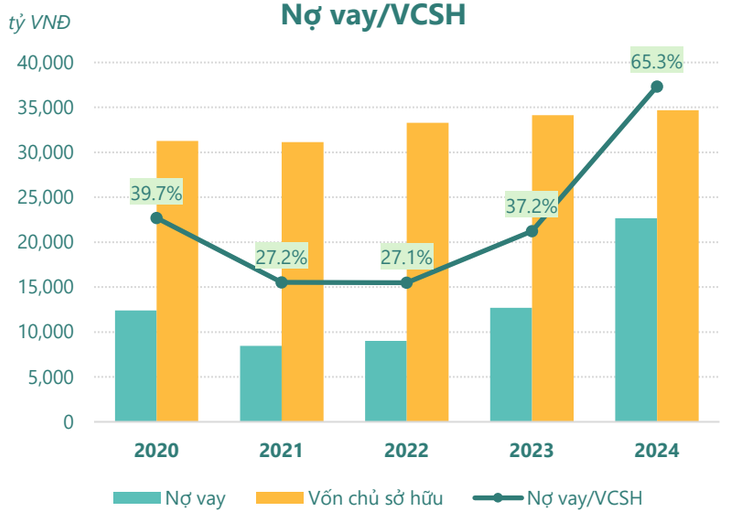
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

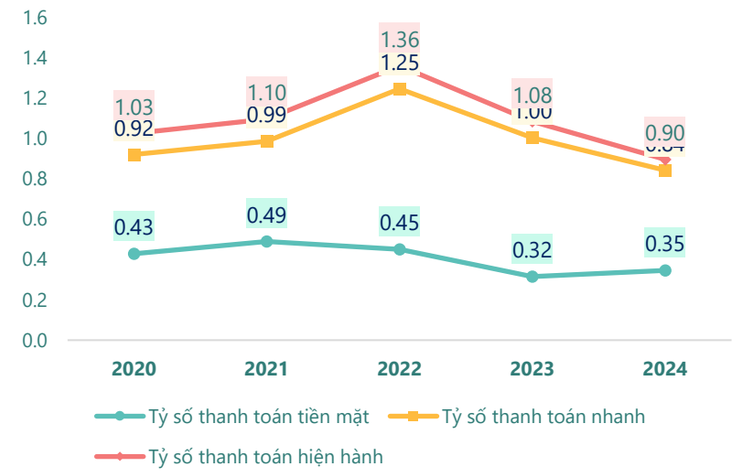
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



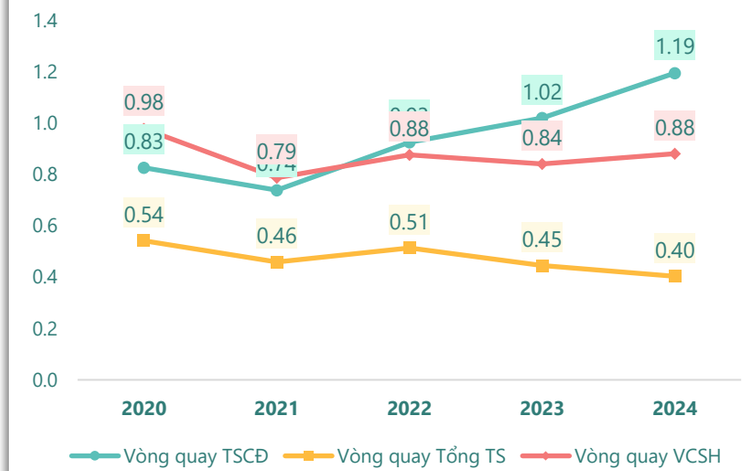
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



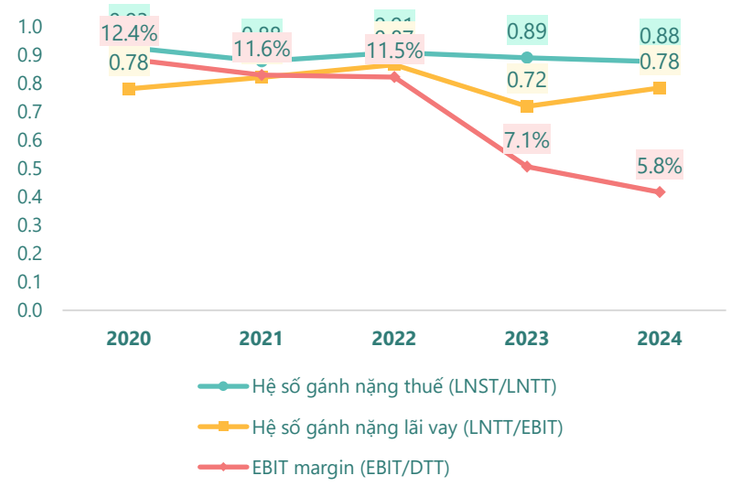
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



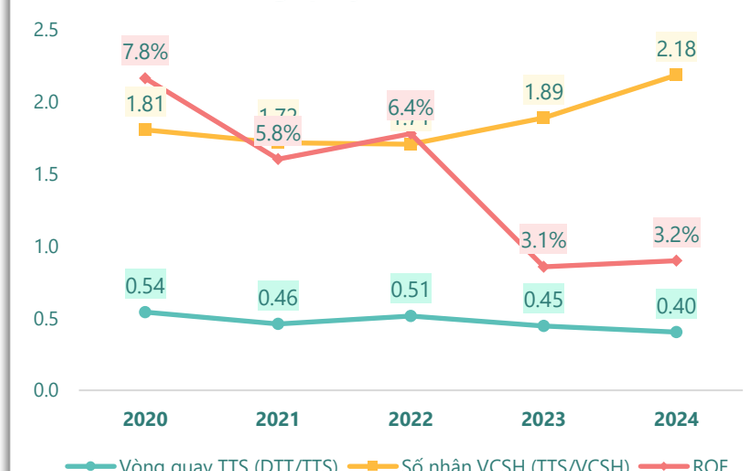
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



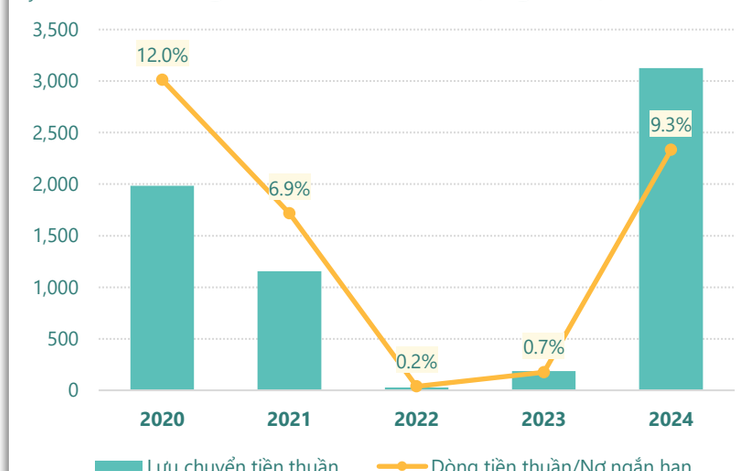
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**7,855**	**6,061**	**29.6%**	**25,404**	**21,686**	**17.1%**
Giá vốn hàng bán	6,564	5,765	13.9%	22,130	20,278	9.1%
Lợi nhuận gộp	1,291	296	336%	3,275	1,408	133%
Doanh thu HĐTC	223	411	-45.8%	637	617	3.3%
Chi phí TC	295	-3.29	9070%	869	357	144%
Chi phí lãi vay	152	95.6	59.5%	410	264	55.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.57**	**0.70**	**-18.9%**
Chi phí bán hàng	0.55	0.00		0.55	0	
Chi phí QLDN	**212**	**169**	**25.3%**	**716**	**480**	**49.0%**
LN thuần từ HĐKD	1,006	542	85.6%	2,327	1,188	95.8%
Lợi nhuận khác	**5.73**	**5.14**	**11.5%**	**5.42**	**79.3**	**-93.2%**
LN trước thuế	1,012	547	85.0%	2,332	1,267	84.0%
Lợi nhuận sau thuế	**948**	**453**	**109%**	**2,182**	**1,111**	**96.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**809**	**396**	**104%**	**1,857**	**1,066**	**74.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2,255	5,099	-521	-44.9	906	2,553
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-6,832	-2,095	-2,698	-2,851	-4,402	-2,722
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6,966	-323	2,332	654	4,321	-298
Tiền đầu kỳ	7,538	9,928	12,608	11,564	9,323	10,147
Lưu chuyển tiền thuần	**2,389**	**2,681**	**-888**	**-2,241**	**824**	**-466**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.04	-0.06	0.08	0.06	-0.02	0.00
Tiền cuối kỳ	9,928	12,608	11,720	9,323	10,147	9,681

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**85,771**	**79,915**	**7.3%**
Tài sản ngắn hạn	34,150	29,981	13.9%
Tiền và tương đương tiền	9,681	11,564	-16.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11,116	4,112	170%
Phải thu ngắn hạn	10,365	11,873	-12.7%
Hàng tồn kho	2,338	1,795	30.3%
Tài sản ngắn hạn khác	649	636	2.0%
Tài sản dài hạn	**51,622**	**49,934**	**3.4%**
Phải thu dài hạn	0.90	0.35	154%
Tài sản cố định	22,330	24,321	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	24,628	19,759	24.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	844	766	10.2%
Tài sản dài hạn khác	**3,818**	**5,088**	**-25.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	49,296	45,234	9.0%
Nợ ngắn hạn	**30,075**	**33,457**	**-10.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11,737	13,508	-13.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	14,306	15,726	-9.0%
Nợ dài hạn	19,220	11,777	63.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	15,998	9,151	74.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**36,476**	**34,681**	**5.2%**
Vốn chủ sở hữu	**36,476**	**34,681**	**5.2%**
Vốn điều lệ	23,419	23,419	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)